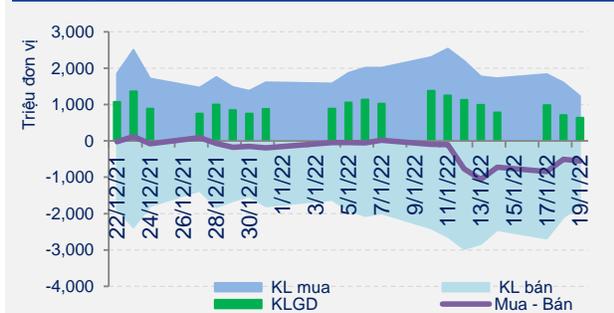


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,442.79	409.31
% Thay đổi	↑ 0.37%	↓ -2.57%
KLGD (CP)	637,630,549	102,745,139
GTGD (tỷ đồng)	22,985.67	1,825.57
Tổng cung (CP)	1,786,952,500	145,470,500
Tổng cầu (CP)	1,235,815,300	128,380,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	72,441,071	462,169
KL mua (CP)	39,650,690	875,649
GT mua (tỷ đồng)	1,655.43	18.35
GT bán (tỷ đồng)	6,462.35	13.83
GT ròng (tỷ đồng)	(4,806.92)	4.52

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.33%	21.9	3.5	0.9%
Công nghiệp	↓ -0.32%	23.5	3.3	11.4%
Dầu khí	↓ -0.39%	19.9	2.0	3.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.08%	-	9.9	3.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.20%	16.0	2.6	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.91%	22.0	3.9	31.8%
Ngân hàng	↓ -0.96%	12.4	2.5	13.4%
Nguyên vật liệu	↑ 0.68%	10.1	2.4	9.3%
Tài chính	↑ 0.63%	20.1	3.4	24.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.64%	16.8	2.8	1.9%
VN - Index	↑ 0.37%	17.1	3.1	
HNX - Index	↓ -2.57%	23.4	4.5	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Cuối cùng thì sau bốn phiên điều chỉnh liên tiếp, thị trường đã có sự "cầm máu" trong phiên hôm nay khi chỉ số VN-Index và VN30 đều kết phiên với mức tăng nhẹ. Cổ phiếu chứng khoán đã có sự vùng vẫy mạnh mẽ sau chuỗi vài phiên giảm mạnh trước đó với nhiều cổ phiếu tăng mạnh, thậm chí tăng trần như VND (+6,9%), ART (+9,9%), VCI (+6,9%), FTS (+7%), TVS (+6,9%)... Nhóm ngân hàng sau phiên tăng mạnh hôm qua để cứu thị trường đã có sự phân hóa mạnh trong phiên hôm nay khi sắc xanh và sắc đỏ trở nên khá đồng đều. TPB (+1%), VPB (+0,8%), TCB (+0,2%), MSB (+2,6%), LPB (+0,2%), ACB (+0,6%), VIB (+0,5%), ABB (+0,5%), OCB (+0,6%)... là những mã tăng. Trong khi đó, STB (-2,9%), MBB (-1%), CTG (-2,2%), SHB (-6,1%), HDB (-2%), BID (-2,8%), BVB (-0,5%), VCB (-0,9%), NVB (-4,8%)... kết phiên trong sắc đỏ. Rất may là một số Bluechip tiếp tục tăng để hỗ trợ thị trường như POW (+4,2%), MSN (+3,8%), KDH (+2,8%), MWG (+2,6%), VRE (+2,6%), GVR (+2,3%), VJC (+1,4%), PDR (+1,1%), VHM (+0,8%), BVH (+0,6%)... Nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ cao tiếp tục chuỗi ngày giảm sàn trong tình trạng trắng bên mua và vẫn còn dư bán sàn HQC (-6,9%), OGC (-6,9%), HDC (-7%), FLC (-6,8%), ROS (-7%), CEO (-9,9%), DIG (-6,9%), VPH (-6,8%), HAR (-6,9%), LDG (-6,8%), NBB (-6,9%), CII (-7%), LCG (-6,9%), FCN (-6,9%), HID (-7%), CDO (-14,1%), TTB (-6,7%)... Kết phiên, VN-Index tăng 3,85 điểm (+0,27%) lên 1.442,79 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE được cải thiện so với phiên trước đó với 250 mã tăng (25 mã tăng trần), 41 mã tham chiếu, 217 mã giảm (48 mã giảm sàn).

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhà đầu tư phần nào đó đã có thể bình tâm hơn với phiên hồi phục nhẹ hôm nay sau chuỗi bốn phiên giảm trước đó. Tuy nhiên, tâm lý nghi Tết sớm rõ ràng đang xuất hiện trên thị trường thể hiện qua việc thanh khoản khớp lệnh tiếp tục suy giảm thấp hơn mức trung bình trong bốn phiên liên tiếp. Với việc VN-Index hồi phục nhẹ và tiếp tục kết phiên trong vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm (tương ứng với vùng đáy của thị trường trong tháng 12/2021) và với nền tảng thanh khoản thấp như hiện tại thì khả năng thị trường tiếp tục giảm mạnh trong thời gian tới là khó xảy ra. Thay vào đó, VN-Index có thể sẽ tiếp tục trạng thái giằng co với biên độ trong khoảng 1.400-1.450 điểm thì có thể kỳ vọng vào một nhịp hồi phục trong thời gian tới. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong phiên 12/1 và đã gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong phiên 18/1 có thể tiếp tục canh những nhịp điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm (nếu có) trong phiên tiếp theo để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu nhằm hướng đến sóng tăng của thị trường có thể diễn ra sau kỳ nghỉ Tết. Theo thống kê, điều này đã diễn ra 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19).





## TIN TRONG NƯỚC

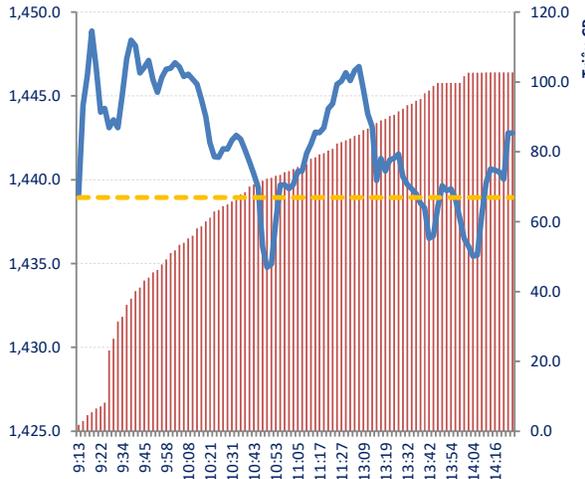
<b>Giá vàng trong nước tăng</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,05 - 61,65 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 22 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 19/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.119 VND/USD, tăng 22 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

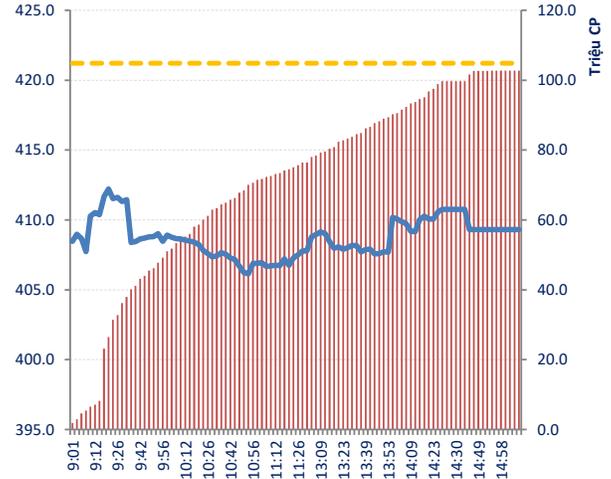
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,15 USD/ounce tương ứng với 0,17% lên 1.815,55 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,115 điểm tương ứng 0,12% xuống 95,605 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1342 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3602 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,5 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,94 USD/thùng tương ứng với 1,11% lên 85,73 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/1, Dow Jones giảm 543,34 điểm tương đương 1,51% xuống 35.368,47 điểm. Nasdaq giảm 386,86 điểm tương đương 2,6% xuống 14.506,9 điểm. Nasdaq Composite giảm 85,74 điểm tương đương 1,84% xuống 4.577,11 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

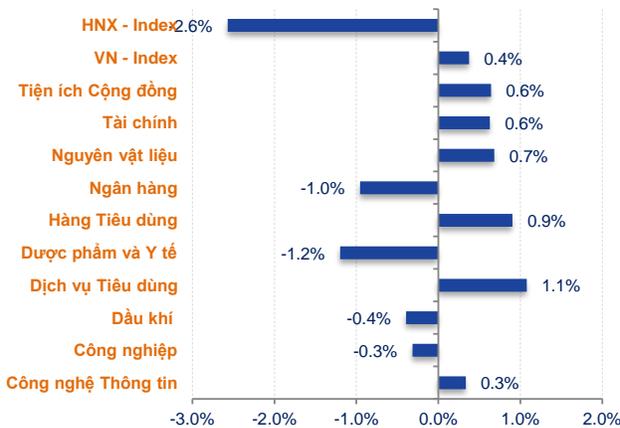
KLGD và VN-Index trong phiên



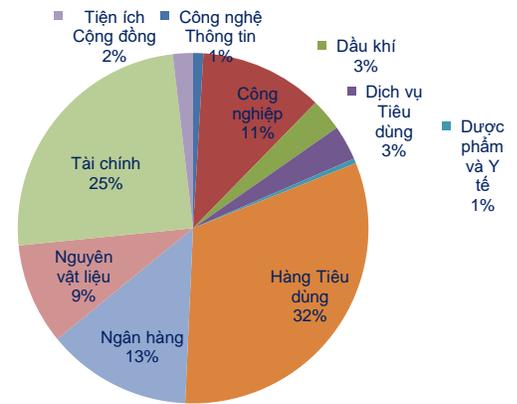
KLGD và HNX-Index trong phiên



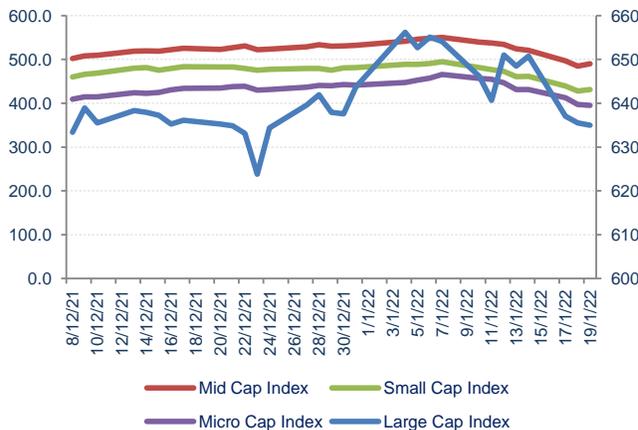
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



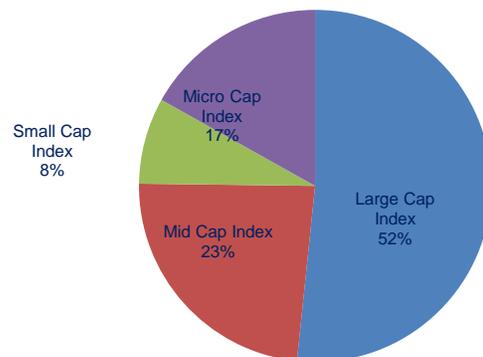
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	2,466,300	MSN	32,838,070
2	HQC	1,938,800	HPG	2,757,300
3	SSI	1,244,600	STB	2,053,000
4	KBC	915,700	NVL	899,400
5	VCI	834,400	CTG	812,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	236,900	DL1	40,000
2	KLF	71,200	APS	34,600
3	PVI	70,600	BNA	32,900
4	SHS	48,600	LHC	19,600
5	MBG	36,100	THD	16,900

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MSN	145.40	147.50	↑ 1.44%	34,283,870
HQC	7.27	6.77	↓ -6.88%	26,990,400
HAG	14.80	13.90	↓ -6.08%	24,798,700
STB	33.95	32.90	↓ -3.09%	22,542,100
SCR	19.10	18.00	↓ -5.76%	19,896,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	5.80	5.80	→ 0.00%	34,281,663
PVS	28.90	28.70	↓ -0.69%	6,900,067
SHS	39.40	41.50	↑ 5.33%	5,248,901
ART	9.10	10.00	↑ 9.89%	5,080,174
BII	8.60	7.90	↓ -8.14%	3,259,000

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MDG	12.25	13.80	1.55	↑ 12.65%
DAT	20.58	23.05	2.47	↑ 11.99%
EVF	15.80	17.30	1.50	↑ 9.49%
SZC	61.70	67.10	5.40	↑ 8.75%
BCM	66.90	72.70	5.80	↑ 8.67%

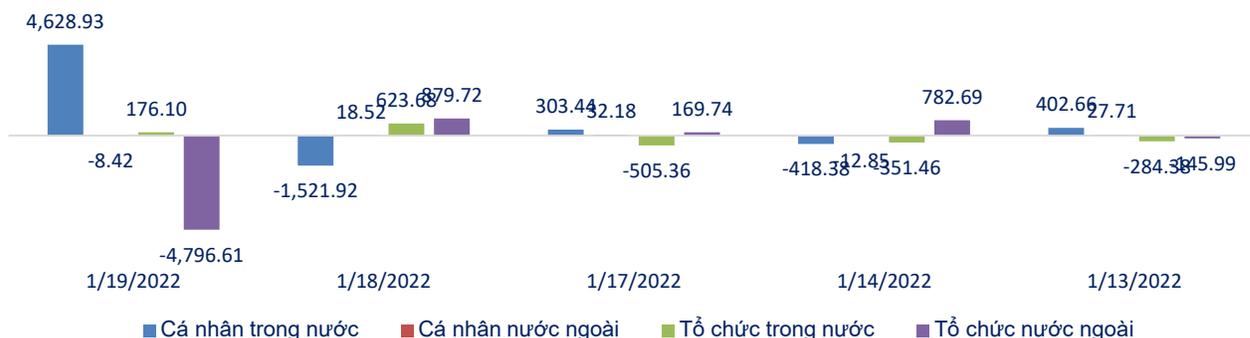
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	67.10	73.80	6.70	↑ 9.99%
PSD	30.20	33.20	3.00	↑ 9.93%
ART	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
KST	35.50	39.00	3.50	↑ 9.86%
ECI	42.90	47.10	4.20	↑ 9.79%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVE	17.50	15.70	-1.80	↓ -10.29%
SHB	21.25	19.35	-1.90	↓ -8.94%
NAV	23.60	21.50	-2.10	↓ -8.90%
TNI	7.49	6.87	-0.62	↓ -8.28%
SJF	12.65	11.65	-1.00	↓ -7.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MIM	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
VE8	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
LDP	47.00	42.30	-4.70	↓ -10.00%
CLM	26.00	23.40	-2.60	↓ -10.00%
TSB	13.00	11.70	-1.30	↓ -10.00%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	4,699.23	8.4%	2,032	69.9	5.2
HPG	186.47	44.7%	7,085	6.2	2.3
KOS	110.96	2.0%	204	155.5	3.0
STB	95.83	11.1%	1,864	18.2	1.9
NVL	66.32	7.9%	1,577	50.8	3.8

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-105.48	7.5%	1,406	21.3	1.4
MWG	-81.88	24.6%	6,071	21.4	4.9
KBC	-73.02	6.0%	1,499	33.7	1.9
VHM	-45.20	38.3%	8,968	8.6	2.8
ACB	-43.99	24.9%	3,599	9.1	2.1

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	4.35	26.2%	3,957	21.0	5.2
HPG	3.68	44.7%	7,085	6.2	2.3
VCI	3.25	24.5%	3,456	15.6	2.8
MWG	2.92	24.6%	6,071	21.4	4.9
PVD	2.58	0.2%	69	493.2	1.0

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-17.53	2.9%	1,111	86.3	2.2
CTG	-3.65	18.1%	3,439	10.0	1.7
TVS	-3.45	36.5%	4,858	8.2	2.4
BID	-2.93	12.0%	1,975	22.7	2.6
VNM	-2.88	31.0%	5,037	16.6	5.1

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	81.88	24.6%	6,071	21.4	4.9
VCB	54.68	20.4%	4,464	19.6	3.8
ACB	43.99	24.9%	3,599	9.1	2.1
TCB	32.97	21.3%	4,965	9.8	1.9
FPT	32.76	20.4%	4,436	19.9	3.9

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KOS	-110.96	2.0%	204	155.5	3.0
HPG	-65.27	44.7%	7,085	6.2	2.3
APH	-48.81	1.6%	432	75.2	1.0
HPX	-46.41	8.9%	1,082	29.6	2.6
PVD	-41.21	0.2%	69	493.2	1.0

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	73.14	7.5%	1,406	21.3	1.4
SSI	52.58	16.5%	2,018	21.0	3.1
KBC	47.94	6.0%	1,499	33.7	1.9
VCI	43.43	24.5%	3,456	15.6	2.8
VHM	33.36	38.3%	8,968	8.6	2.8

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-4,729.93	8.4%	2,032	69.9	5.2
HPG	-124.88	44.7%	7,085	6.2	2.3
NVL	-71.40	7.9%	1,577	50.8	3.8
STB	-66.72	11.1%	1,864	18.2	1.9
VCB	-35.67	20.4%	4,464	19.6	3.8



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	34,283,870	8.4%	2,032	69.9	5.2
HQC	26,990,400	3250.0%	9	822.5	0.8
HAG	24,798,700	-18.4%	(1,220)	-	2.8
STB	22,542,100	11.1%	1,864	18.2	1.9
SCR	19,896,300	5.5%	740	25.8	1.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	34,281,663	0.1%	6	954.4	0.6
PVS	6,900,067	4.6%	1,238	23.4	1.1
SHS	5,248,901	25.5%	3,017	13.1	2.0
ART	5,080,174	0.3%	32	287.9	0.8
BII	3,259,000	2.8%	265	32.5	0.8

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MDG	↑ 12.7%	4.9%	710	19.6	1.0
DAT	↑ 12.0%	6.8%	992	26.2	1.8
EVF	↑ 9.5%	12.3%	1,527	10.6	1.3
SZC	↑ 8.8%	20.9%	2,793	23.1	4.6
BCM	↑ 8.7%	10.6%	1,702	39.9	4.3

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	-12.9%	(1,593)	-	5.8
PSD	↑ 9.9%	22.2%	2,844	10.6	2.1
ART	↑ 9.9%	0.3%	32	287.9	0.8
KST	↑ 9.9%	6.5%	1,446	24.5	1.6
ECI	↑ 9.8%	12.7%	2,516	17.0	2.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2,466,300	7.5%	1,406	21.3	1.4
HQC	1,938,800	0.1%	9	822.5	0.8
SSI	1,244,600	16.5%	2,018	21.0	3.1
KBC	915,700	6.0%	1,499	33.7	1.9
VCI	834,400	24.5%	3,456	15.6	2.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	236,900	4.6%	1,238	23.4	1.1
KLF	71,200	0.1%	6	954.4	0.6
PVI	70,600	13.2%	4,291	10.7	1.5
SHS	48,600	25.5%	3,017	13.1	2.0
MBG	36,100	4.0%	422	28.0	1.1

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	414,568	20.4%	4,464	19.6	3.8
VIC	364,920	2.9%	1,111	86.3	2.2
VHM	335,286	38.3%	8,968	8.6	2.8
BID	227,128	12.0%	1,975	22.7	2.6
GAS	204,793	16.9%	4,384	24.4	4.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	73,080	25.2%	4,694	44.5	12.6
KSF	30,000	8.8%	746	134.0	5.0
IDC	18,870	11.8%	1,805	34.8	4.0
NVB	17,261	3.3%	355	87.4	2.9
VCS	16,896	41.5%	11,163	9.5	3.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	3.97	8.9%	1,047	33.0	2.6
DRH	3.51	2.1%	292	88.8	1.8
CII	3.17	0.5%	177	223.9	1.2
KHP	3.11	59.3%	6,187	2.7	1.4
LDG	3.02	1.0%	134	141.9	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.36	9.9%	475	24.0	2.2
L18	3.10	4.5%	683	75.2	3.6
CEO	2.96	-4.7%	(606)	-	4.6
ART	2.87	0.3%	32	287.9	0.8
VC7	2.65	3.3%	286	68.6	1.9



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---